TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2024/HS-PT
Ngày 02-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Văn B cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N, Lê Hồng T và Lê Văn Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 634/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Ngọc Anh N, sinh ngày 03/8/2003 tại tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1968 và bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố bị cáo, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tại ngoại; (vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N theo chỉ định: Ông Nguyễn Hồng N1 là Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; (có mặt).

2. Lê Văn Q, sinh năm 1988 tại tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn T1, sinh năm 1962 và bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1963; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1988 - đã ly hôn; hiện sống chung như vợ chồng với chị Chìu Thị Y, sinh năm 1996; Có 02 con (2014 – 2020).

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 17/12/2021, bị khởi tố bị can, áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tại ngoại; (có mặt).

3. Lê Hồng T, sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; Nơi thường trú: 375, tổ I, ấp A, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: 273A, tổ E, ấp H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn T2, sinh năm 1958 và bà: Võ Thị T3, sinh năm 1959; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Hồng T4, sinh năm 1987, đã ly hôn; hiện sống chung như vợ chồng với chị Huỳnh Thị N2, sinh năm 1982; Có 02 con (2012 - 2014).

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 17/12/2021, bị khởi tố bị can, áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tại ngoại; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Q, bị cáo Lê Hồng T: Ông Nguyễn Khánh T5 và ông Đặng Văn D1 là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Khánh T5 và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H (Ông T5 có mặt, ông D1 xin vắng mặt).

- *Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Vũ Văn B, Phan Minh V, Đoàn Xuân K1, Đoàn Xuân T6, Vũ Văn K2, Trần Thanh B1, Cao Xuân H, Phan Văn P, Đặng Đức T7, Nguyễn Đình T8, Ngô Văn T9; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Ngọc Anh N là con của bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1982, thường trú: khu phố H, thị trấn Đ, tỉnh Đồng Nai, do N thường xuyên bỏ nhà đi chơi nên khi biết con trai của mình ở nhà Vũ Văn B ở ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai thì D nhờ Lê Hồng T (T) tìm, đưa N về nhà. T đồng ý và rủ thêm Nguyễn Văn H1 là con riêng của vợ T; Nguyễn Hoàng K3, sinh năm 1988 và Nguyễn Tấn T10, sinh năm 1984 cùng T đi tìm N.

Khoảng 17 giờ ngày 01/4/2020, D cùng với Hồng T, anh H1, anh K3 và anh T10 đến nhà Vũ Văn B để tìm N nhưng không gặp N. Sau đó Hồng T và B nói chuyện với nhau về việc mẹ của N muốn tìm và đưa N về nhà, B hứa với Hồng T là khi nào N về sẽ đưa N về nhà bà D. Đến 20 giờ cùng ngày, N về nhà B và uống rượu cùng với ông Vũ Văn L1 (bố của B), Vũ Văn K2 (em trai của B) và Phan Minh V. Trong lúc ăn nhậu, N nghe B nói Hồng T và mẹ mình đi tìm nên N gọi điện cho Lê Hồng T nói "Chuyện gia đình của N, không cần T can thiệp vào". Sau đó N chuyển điện thoại cho B nói chuyện với T, B tỏ ý không hài lòng việc Hồng T kéo đông người đến nhà B nên hai bên xảy ra cãi nhau, B và Hồng T hẹn, thách thức nhau ra khu vực hội trường liên khối huyện Đ thuộc khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để đánh nhau.

Để có thêm người đánh nhau, B gọi điện cho Đoàn Xuân K1, Đoàn Xuân T6 và nhờ Nguyễn Đình T8 gọi thêm người nhưng không liên lạc được với T8. Bách lấy 01 con dao phát cỏ dài 01m, cán tre, lưỡi kim loại màu đen, đưa cho N, K1 và Xuân T6 mỗi người một con dao chặt thịt bản rộng dài 35cm, cán bằng gỗ, lưỡi kim loại màu trắng làm hung khí, V chuẩn bị 01 con dao chặt thịt dài 50cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại. Bách không cho em trai Vũ Văn K2 đi theo mà nhờ K2 gọi cho Trần Thanh B1 để B1 liên hệ với Nguyễn Đình T8 nhằm kêu thêm người trợ giúp. Sau khi B nhờ V chạy xe ra kiểm tra ở khu vực Hội trường liên khối xem có công an không thì B điều khiển xe mô tô Suzuki Satria biển số 59Y3 – 219.13 chở N, T6 điều khiển xe môtô Winner biển số 60B4 – 736.11 chở K1, V điều khiển xe mô tô Wave biển số 60L7 – 0194 cùng nhau đến đoạn đường gần Hội trường liên khối thuộc khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi hẹn đánh nhau với nhóm của B thì Hồng T gọi điện cho Lê Văn Q (Q điên) để nhờ Q tìm người đứng ra giải quyết mâu thuẫn giữa Hồng T và B. Q đồng ý và liên hệ với Ngô Văn T9 để nhờ người giải quyết, T9 đồng ý và nói Q qua nhà T9 ở số E, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để nói chuyện. Trong lúc Q và T9 nói chuyện với nhau về việc giải quyết mâu thuẫn giữa B và Hồng T thì Q biết Bảo Thái T11 quen biết cả B và Hồng T nên Q gọi điện cho Hồng T biết đã tìm được người để giảng hòa.

Khoảng 22 giờ ngày 01/4/2020, Lê Hồng T điều khiển xe mô tô ra khu vực chợ Đ1 thị trấn Đ để tìm Ngô Văn T9, Hồng T đi bộ dọc đường 3/2 và gọi điện Lê Văn Q hỏi đường vào nhà Ngô Văn T9 thì gặp một nhóm thanh niên lạ mặt cầm hung khí đuổi đánh trúng vào vai phải. Bị đánh, Hồng T gọi điện cho Q nói mình đang bị chém ở ngoài Bưu điện. Nghe vậy, Q gọi điện cho T9 nói ra

khu vực Bưu Điện G đánh nhau. T9 lấy 03 con dao tự chế, đưa cho Q cầm 01 con, còn T9 cầm 02 con để Bảo Thái T11 chạy xe mô tô mô tô W (không rõ biển số) chở ra khu vực Hội trường liên khối huyện Đ thuộc khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ Hồng T.

Khi nhóm của B ra đến khu vực Hội trường liên khối huyện Đ thì phát hiệm nhóm thanh niên gồm ba người (không rõ nhân thân lai lịch). Do nghĩ đây là nhóm của Hồng T đã thách thức đánh nhau với mình nên B, N, V và K1 xuống xe mô tô, cầm theo hung khí đã chuẩn bị trước đuổi chém ba người này nhưng ba người này chạy thoát. Cùng lúc này có Nguyễn Văn H1 (con trai riêng của vợ Lê Hồng T) chạy xe ngang qua, nhóm của B cầm hung khí đuổi theo, Nguyễn Văn H1 sợ quá, bỏ lại xe chạy bộ được khoảng 05m thì bị té ngã, H1 ngồi xuống co tay, chân che đầu. Bách, V, N và K1 cầm theo hung khí đuổi kịp chém nhiều nhát vào người của H1, trong đó B chém vào hông trái, V và N chém vào đầu, K1 chém vào đầu nhưng H1 đưa tay trái lên đỡ thì bị trúng vào tay. Thấy H1 bị gục ngã, chảy nhiều máu nên B, V, N3 và K1 thôi không chém nữa.

Lúc này có anh Nguyễn Duy T12 điều khiển xe ô tô 60A – 296.38 đi ngang qua thấy H1 nằm gục, chảy nhiều máu nên cùng anh Nguyễn Hữu T13, Nguyễn Vĩnh P1 là dân quân tự vệ thuộc Huyện Ủ đưa H1 đi cấp cứu. Nhóm của B nhìn thấy nên nghĩ là đồng bọn của nhóm Lê Hồng T đến cứu nên B, N, K1 và V cầm hung khí quay lại đuổi chém anh Nguyễn Duy T12, Nguyễn Hữu T13 và Nguyễn Vĩnh P1. Anh T12 và anh P1 chạy thoát còn anh T13 chạy khoảng 20m thì bị té ngã, khi anh T13 nhổm dậy để chạy tiếp thì V và N đuổi kịp dùng dao chém nhiều nhát vào người anh T13, trong đó V chém vào tay trái, N chém vào gối phải anh T13. Anh T13 đưa hai tay lên đỡ và nói "Nhầm người rồi" thì V, N không chém anh T13 nữa, anh T13 đứng dậy bỏ chạy, leo qua hàng rào vào trong khu Ô, cùng lúc này Đoàn Xuân T6 và K1 cầm hung khí vừa chạy tới nhưng do anh T13 chạy thoát nên không chém được.

Sau khi Q gọi điện thoại cho Ngô Văn T9, Bảo T ra hỗ trợ Lê Hồng T đang bị đánh ở Bưu Điện thì nhóm của Lê Hồng T ra gặp nhóm của Vũ Văn B. Thấy nhóm của Lê Hồng T thì Vũ Văn B ném con dao về phía nhóm của T, lúc này Bảo Thái T11 nhận ra B là người quen nên la lên "người quen, người quen!" nhưng nhóm của B vẫn cầm hung khí xông đến nên Ngô Văn T9, Lê Văn Q, Lê Hồng T, Bảo Thái T11 bỏ chạy. Cùng lúc này có anh Võ Tấn P2, Hỷ Quang K4 chạy xe mô tô ngang qua thì nhóm của B tưởng anh P2 và anh K4 là đồng bọn của Lê Hồng T nên xông vào đánh. Anh K4 chạy thoát còn anh P2 bị Phan Minh V cầm dao xông đến chém từ trên xuống trúng vào mũ bảo hiểm đang đội trên đầu làm vỡ nón bảo hiểm, lưỡi dao trượt xuống trúng vào má bên phải gây thương tích nhẹ, anh P2 vất xe bỏ chạy.

Sau khi được anh trai là Vũ Văn B nhờ gọi điện, Vũ Văn K2 gọi điện cho bạn của B là Trần Thanh B1 để nhờ B1 gọi cho Nguyễn Đình T8 rủ thêm người phụ giúp B đánh nhau với nhóm của Lê Hồng T ở khu vực Hội trường liên khối huyện Đ. B1 gọi điện rủ thêm Cao Xuân H, Phan Văn P, Đặng Đức T7. Sau đó,

H, P và T7 qua nhà của Nguyễn Đình T8 rủ thêm T8 đi hỗ trợ cho nhóm của Vũ Văn B. B1 chuẩn bị 01 tuýp sắt, Nguyễn Đình T8 chuẩn bị 01 con dao tự chế. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Đặng Đức T7 điều khiển xe mô tô 60L5 – 1695 chở H và B1, Phan Văn P điều khiển xe mô tô biển số 60P6 – 1156 chở T8 cầm hung khí, chở nhau trên hai xe môtô để tìm và hỗ trợ nhóm của B đánh nhau nhưng không gặp nhóm của B. B1, T8, T7, H và P tiếp tục chạy đến trước cổng trường THCS N4 thuộc khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ thì bị một đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) áp sát xe của P, dùng dao chém vào cánh tay phải của T8, T8 cũng dùng dao chém lại, B1 sử dụng tuýp sắt ném vào đối tượng này. Sau đó B1 và T8 về nhà.

Ngày 22/04/2020, anh Nguyễn Hữu T13 có đơn yêu cầu xử lý các đối tượng gây thương tích cho anh T13 vào ngày 01/4/2020.

Ngày 20/6/2020, anh Nguyễn Văn H1 có đơn yêu cầu xử lý các đối tượng gây thương tích cho anh H1 vào ngày 01/4/2020.

2. Về kết luận giám định:

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0486/TgT/2020 ngày 18/6/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ xác định tình trạng thương tích của anh Nguyễn Hữu T13 như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương mẻ xương trụ trái. Tỷ lệ không đổi 01%.

- Vết thương 1/3 trên mặt ngoài cẳng tay trái kích thước 06x0,2cm.

- Vết thương cổ tay phải kéo đến ô mô út kích thước 07x0,2cm.

- Vết mổ cắt ngang vết thương cẳng tay trái kích thước 05x0,2cm.

- Vết thương gối phải kích thước 3,5x0,2cm.

- Đối với tổn thương đứt bán phần thần kinh gian cốt sau trái (nhánh thành kinh quay trái).

- Tổn thương đứt cơ duỗi chung các ngón và cơ duỗi cổ tay trụ trái đã điều trị hiện để lại hạn chế duỗi cổ tay trái và duỗi các ngón tay trái.

Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của anh Nguyễn Hữu T13 là 21% (Hai mươi mốt phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0582/TgT/2020 ngày 15/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ xác định tình trạng thương tích của anh Nguyễn Văn H1 như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương nứt sọ chẩm phải kích thước 4,5cm.

- Tổn thương tụ máu liềm não (tụ máu dưới màng cứng).

- Tổn thương mẻ xương cách chậu trái.

- Sẹo đỉnh chẩm phải kích thước 07x0,3cm.

- Sẹo đỉnh trái kích thước 06x0,3cm.

- Sẹo hông trái (gần cách chậu trái) kích thước 04x0,7cm.

- Sẹo mu bàn tay trái kích thước 1,5x0,2.

Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của anh Nguyễn Văn H1 là 28%.

Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.

3. Vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ:

- Điện thoại Iphone 6 màu sám số thuê bao 0983.740.447 của Đoàn Xuân T6; điện thoại Oppo màu đen số thuê bao 037.526.0529 của Vũ Văn K2; điện thoại Iphone 5S màu đen số thuê bao 0369.087.375 của Cao Xuân H.

- 01 con dao chặt thịt dài 40cm, cán bằng gỗ tròn dài 12cm, bán kính 1,5cm, phần lưỡi dao dài 28cm, bề ngang lưỡi dao dài 05cm, lưỡi dao sắc nhọn, do Phan Minh V giao nộp.

- 01 con dao tự chế dài 90cm, cán dao bằng gỗ dài 55cm, phần lưỡi dao màu đen, cong dài 35cm, bề ngang lưỡi dao 04cm;

- 01 con dao loại dao tự chế dài 60cm, cán dao tròn bằng sắt có một phần đuôi gỗ dài 10cm, phần cán sắt dài 20cm, phần lưỡi dao màu đen dài 30cm, bề ngang lưỡi dao 05cm, do Ngô Văn T9 giao nộp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C1 màu đen số thuê bao 0356571427 thu giữ của Nguyễn Đình T8.

- 01 xe mô tô Suzuki Satria biển số 59Y3 – 219.13 do Nguyễn Ngọc Anh N giao nộp.

- 01 điện thoại di động Iphone 5S màu đen số thuê bao 0369087375 do Cao Xuân H giao nộp.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Orame màu đen biển số 60L5 – 1695 do Đặng Đức T7 giao nộp.

- 01 dao loại dao phát dài 1,1m, cán bằng tre dài 70cm, lưỡi dao bằng sắt dài 40cm, bề ngang lưỡi dao 04cm, một mặt sắc, một mặt tù, mũi dao nhọn do Vũ Văn B giao nộp.

- 01 điện thoại di động Oppo số thuê bao 0375260529 do Vũ Văn K2 giao nộp.

- 01 xe môtô Winner màu đen biển số 60B4 – 736.11; 01 điện thoại Iphone 6 số thuê bao 0983.740.477 do Đoàn Xuân T6 giao nộp.

- 01 xe mô tô Honda Drame màu đen biển số 60P6 – 1156 do Phan Văn P giao nộp.

- 01 điện thoại Nokia đen trắng số thuê bao 0394.741.183 thu giữ của Trần Thanh B1.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu đỏ biển số 60L7 – 0194 do Phan Minh V giao nộp.

- Xe mô tô biển số 60L5 – 1695 của chị Tống Thị Tuyết H2, số CMND 271234213, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 25/5/1992, địa chỉ thường trú: 49, T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau đó chị H2 bán cho Đặng Thị H3 là mẹ của Đặng Đức T7.

- Xe mô tô biển số 60P6 – 1156 của Phan Văn T14, số CMND 271894052, địa chỉ ấp C Tầng, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Xe mô tô biển số 60L7 – 0194 của anh Huỳnh Tài M1, số CMND 270786084, địa chỉ số C, H, thị trấn Đ, tỉnh Đồng Nai. Sau đó anh M1 bán cho anh Phan Văn Đ là cha ruột của Phan Minh V.

- Xe mô tô biển số 60B4 – 736.11 của Đoàn Xuân T6, sinh năm 1996, địa chỉ: khu B, H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 21/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là xe mô tô 60P7 – 4988 của Phan Văn T14; 60L5 – 1695 của Đặng Thị H3; 60L7 – 0194 của Phan Văn Đ; 59Y3-219.13 của Vũ Văn T15.

Đối với những hung khí là vật chứng của vụ án do các bị cáo sử dụng, sau đó vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ được, gồm:

- 01 con dao tự chế dài 80cm, cán dao tròn bằng gỗ dài 20cm, lưỡi dao bằng sắt dài 60cm, bề ngang lưỡi dao khoảng 04cm, lưỡi dao sắc, mũi dao.

- 01 con dao tự chế dài 80cm, cán dao bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao bằng sắt màu đen dài 65cm, bề ngang lưỡi dao 05cm, lưỡi dao sắc, mũi dao nhọn.

- 01 tay tuýp sắt rỗng ruột màu đen, dài 60, đường kính 04cm.

- 01 con dao loại dao phát dài 01m, cán dao bằng gỗ tròn, bán kính 02cm dài khoảng 70cm, lưỡi dao cong bằng sắt dài 30cm, bề ngang lưỡi dao 04cm, lưỡi dao sắc, mũi dao nhọn.

- 01 điện thoại di động Iphone 4S màu trắng của Lê Hồng T;

- 01 con dao tự chế, dài 30cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng sắt màu đen.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hữu T13 yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng chi phí điều trị, tổn hại sức khỏe.

Anh Nguyễn Văn H1 yêu cầu bồi thường 35.000.000 đồng chi phí điều trị, tổn hại sức khỏe.

Vào ngày 09/10/2020, gia đình các bị cáo Đoàn Xuân T6, Đoàn Xuân K1, Vũ Văn B, Phan Minh V và Nguyễn Ngọc Anh N đã thỏa thuận bồi thường cho anh Nguyễn Hữu T13 và anh Nguyễn Văn H1 số tiền 65.000.000đ. Anh Nguyễn Văn H1, Nguyễn Hữu T13 đã làm đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho

các bị cáo Đoàn Xuân T6, Đoàn Xuân K1, Vũ Văn B, Phan Minh V và Nguyễn Ngọc Anh N.

5. Truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

Tại Bản cáo trạng số 95/CT-VKS-P2, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Vũ Văn B, Phan Minh V, Nguyễn Ngọc Anh N, Đoàn Xuân K1, Đoàn Xuân T6 về các tội "Giết người" (chưa đạt) theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15 Bộ luật Hình sự và "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, i khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T8, Phan Văn P, Cao Xuân H, Đặng Đức T7, Trần Thanh B1, Vũ Văn K2, Lê Hồng T, Lê Văn Q, Ngô Văn T9 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự (Riêng bị cáo N áp dụng thêm Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N phạm các tội "Giết người" và "Cố ý gây thương tích". Xử phạt bị cáo: Nguyễn Ngọc Anh N: 07 (bảy) năm tù tội "Giết người", 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung là ***09 (chín) năm tù***. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng T, Lê Văn Q phạm tội "Gây rối trật tự công cộng". Xử phạt các bị cáo:

- Lê Hồng T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

- Lê Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử các bị cáo Vũ Văn B, Phan Minh V, Đoàn Xuân K1, Đoàn Xuân T6, Vũ Văn K2, Trần Thanh B1, Cao Xuân H, Phan Văn P, Đặng Đức T7, Nguyễn Đình T8, Ngô Văn T9; xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn Q, bị cáo Lê Hồng T đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 22/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Văn Q, Lê Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Lê Văn Q trình bày: Bản án sơ thẩm xử đúng tội, không oan, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo do bản thân là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ cần sự giáo dục và chăm lo của bị cáo.

Bị cáo Lê Hồng T trình bày: Bản án sơ thẩm xử đúng tội, không oan, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo do bản thân là lao động chính trong gia đình, cha mẹ già bệnh tật, bị cáo rất hối hận về hành vi sai trái của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm đảm bảo đúng quy định. Về nội dung: do có mâu thuẫn nên bị cáo N dùng hung khí nguy hiểm chém nhiều bị hại, án sơ thẩm xử phạt bị cáo N về tội giết người chưa đạt và tội cố ý gây thương tích, án phạt 09 năm tù về 02 tội là có căn cứ, tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo giữ y án sơ thẩm. Bị cáo T và Q bị xét xử về tội Gây rối trật tự công cộng, các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm không có tình tiết nào mới làm căn cứ cho bị cáo hưởng án treo, đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư T5 bào chữa cho bị cáo T, bị cáo Q trình bày: Hành vi phạm tội của hai bị cáo T, Q là đồng phạm thấp hơn các bị cáo khác, cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tích cực phối hợp các cơ quan tố tụng sớm kết thúc vụ án đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, như: không có tiền án, tiền sự, học vấn thấp, gia đình khó khăn về kinh tế, đều là lao động chính trong gia đình, cha mẹ già bệnh tật, con nhỏ, vợ ly hôn, người thân trong gia đình có công với cách mạng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong thời gian nhất định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Hồng N1 bào chữa cho bị cáo N trình bày: Án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có căn cứ; với các lý do xin giảm nhẹ hình phạt trong đơn kháng cáo của bị cáo N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N, Lê Hồng T, Lê Văn Q được thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Luật sư Đặng Anh D2 bào chữa cho bị cáo T, Q xin vắng mặt; bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt, bà Nguyễn Thị D mẹ ruột bị cáo N có đơn xin hoãn phiên tòa do bị cáo N đang nằm điều trị tại Trung tâm Y tế huyện T, Hội đồng xét xử thấy rằng việc vắng mặt không trở ngại việc xét xử, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N, Lê Hồng T, Lê Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi, sự việc phạm tội như bản cáo trạng, bản án sơ thẩm nêu. Cụ thể:

[2.1.1] Bà Nguyễn Thị D biết con trai mình là Nguyễn Ngọc Anh N hay đi chơi với Vũ Văn B nên nhờ Lê Hồng T đi tìm N về nhà. Vào khoảng 17 giờ ngày 01/4/2020, Lê Hồng T rủ Nguyễn Văn H1, Nguyễn Hoàng K3, Nguyễn Tấn T10 đến nhà B để tìm N nhưng không gặp. Sau đó, N về nhà B nhậu và gọi điện cho T nói không cần tìm N và xảy ra cãi nhau với T, dẫn đến hai bên thách thức và hẹn nhau ở đoạn đường gần Hội trường liên khối thuộc khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để đánh nhau. Nhóm của B gồm: Vũ Văn B, Đoàn Văn K5, Đoàn Xuân T6, Nguyễn Ngọc Anh N, Phan Minh V chuẩn bị hung khí là dao phát cỏ, dao chặt thịt, dao tự chế đi tìm nhóm của Lê Hồng T đánh nhau. Cùng lúc đó, B nhờ em ruột của mình là Vũ Văn K2 gọi thêm Trần Thanh B1, Nguyễn Đình T8, Cao Xuân H, Phan Văn P, Đặng Đức T7 đi hỗ trợ B tìm đánh nhóm của T. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, nhóm của B đi đến khu vực trung tâm H4 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai gặp nhóm 03 người không rõ nhân thân lai lịch, do nghĩ đây là nhóm của Lê Hồng T nên B, N, V và K5 cầm hung khí đuổi theo 03 thanh niên kia để đánh nhưng 03 người chạy thoát. Cùng lúc này có anh Nguyễn Văn H1 là con riêng của vợ Lê Hồng T chạy xe ngang qua thì nhóm của B đuổi đánh, H1 sợ quá, bỏ lại xe chạy bộ được khoảng 05m thì bị té ngã, H1 ngồi xuống co tay, chân che đầu thì bị B, V, N và K5 cầm theo hung khí đuổi kịp chém nhiều nhát vào người của H1, trong đó B chém vào hông trái, V và N chém vào đầu, K5 chém vào đầu nhưng H1 đưa tay trái lên đỡ thì bị trúng vào tay. Hậu quả: anh H1 bị gục ngã bất tỉnh và bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 28%. Cùng lúc này có anh Nguyễn Duy T12 là người đi ngang qua, dừng xe lại đưa anh H1 đi cấp cứu, cùng có anh Nguyễn Hữu T13 và Nguyễn Vĩnh P1 là dân quân tự vệ của thị trấn huyện Đ hỗ trợ anh T12 đưa H1 đi cấp cứu. Nhóm của B nghĩ anh T12, T13, P1 là nhóm của Lê Hồng T nên cầm hung khí lao vào đánh nhau. Anh P1 và anh T12 chạy thoát, còn anh T13 bị vấp ngã nên bị V dùng dao chém vào tay trái, N chém vào gối phải, anh T13 nói "nhầm rồi!" thì V và N dừng lại. Xuân T6 chở K5, cầm theo hung khí chạy đến để đuổi chém anh T13 nhưng không kịp do anh T13 chạy thoát, còn B đứng canh chừng phòng ngừa nhóm của Hồng T đến đánh. Hậu quả: Anh T13 bị thương với tỷ lệ thương tật 21%. Hành vi của các bị cáo B, N, V và K5 vô cớ dùng dao là hung khí nguy hiểm chém vào đầu, hông trái là vùng trọng yếu làm anh H1 gục ngã bất tỉnh rồi bỏ mặc hậu quả xảy ra, khi nhóm anh T12, T13, P1 đến hỗ trợ đưa anh H1 đi cấp cứu thì các bị cáo lại tiếp tục đuổi đánh anh T12, T13, P1; anh H1 chỉ bị thương với tỷ lệ 28% là do được đưa đi cấp cứu kịp thời, nằm ngoài mong muốn của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo Vũ Văn B, Phan

Minh V, Nguyễn Ngọc Anh N, Đoàn Xuân K1, Đoàn Xuân T6 đã phạm tội "Giết người" (chưa đạt) theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15 Bộ luật Hình sự (đối với bị hại H1) và "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, i khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (đối với bị hại T) do đó cấp sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.1.2] Đối với T6, Q: Sau khi thách thức đánh nhau với B, Lê Hồng T đã liên hệ với Lê Văn Q nhờ tìm người đứng ra giảng hòa. Q liên hệ và nhờ Ngô Văn T9 là người quen biết và có ảnh hưởng với B để nói chuyện nhưng khi Hồng T đi ra khu vực đường C để vào nhà Q thì bị một nhóm thanh niên (không rõ lai lịch) đánh, Hồng T nghĩ đó là nhóm B đánh nên đã gọi điện cho Q nói bị đánh và rủ nhau tìm hung khí đánh nhóm B. Lúc này, có Bảo Thái T11 đang ở nhà Q nên đồng ý đi theo Q hỗ trợ T. Sau khi chuẩn bị hung khí là dao, ống tuýp sắt thì Lê Hồng T, Lê Văn Q, Ngô Văn T9, Bảo Thái T11 dùng xe mô tô chở nhau đi tìm và gặp nhóm của B tại khu vực gần Hội trường liên khối thuộc khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nhưng khi bị nhóm của B cầm hung khí, lao vào đuổi đánh thì Lê Hồng T, Lê Văn Q, Ngô Văn T9, Bảo Thái T11 bỏ chạy. Hành vi chuẩn bị hung khí đi đánh nhau, tập trung đông người, đem theo hung khí đến Trung tâm hành chính huyện Đ là nơi công cộng, đặt biệt trong khi thời gian này đang thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã làm mất an ninh trật tự nơi công cộng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của người dân nên hành vi của các bị cáo Lê Hồng T, Lê Văn Q đã phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự do đó cấp sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với các bị cáo Vũ Văn B, Phan Minh V, Đoàn Xuân K1, Đoàn Xuân T6, Vũ Văn K2, Trần Thanh B1, Cao Xuân H, Phan Văn P, Đặng Đức T7, Nguyễn Đình T8, Ngô Văn T9 không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo nhận thấy:

[2.3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N phạm tội giết người (chưa đạt) theo điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15 Bộ luật Hình sự và bị xử phạt 07 năm tù và phạm tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự bị xử phạt 02 năm tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ, vai trò của bị cáo N trong vụ án là người trực tiếp tham gia tích cực dùng hung khí chém bị hại T8 và bị hại H1; bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng đã phạm nhiều tội và cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục xong hậu quả, bị hại xin bãi nại cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với nước, sau vụ án bị cáo bị di chứng sau chấn thương sọ não, bị cáo lúc phạm tội là người chưa thành niên (17 tuổi) được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt nêu trên là đúng

tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đúng nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, mẹ bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và xin cho bị cáo hưởng án treo, xét thấy bị cáo N phạm nhiều tội và đều thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, không đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ mức hình phạt và xin hưởng án treo. Với mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên là tương xứng, phù hợp luật định cần giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo N mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và giáo dục, cải tạo bị cáo, răn đe phòng ngừa chung.

[2.3.2] Đối với bị cáo Lê Hồng T và Lê Văn Q: phạm tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và bị xử phạt T 02 năm tù, Q 01 năm 06 tháng tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng phạm tội trong thời gian diễn ra đại dịch C, đang thực hiện giãn cách xã hội nhưng vẫn coi thường pháp luật, chủ trương của Đảng và Nhà nước, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo có khó khăn, gia đình bị cáo T có công với nước, các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt nêu trên là đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, bởi lẽ bị cáo T là người khởi xướng, lôi kéo nhiều người đến nhà của B để tìm N và cũng là người thách thức đánh nhau với B là nguyên nhân dẫn đến vụ án giết người và gây thương tích, chính bị cáo T kêu gọi Q tìm thêm người, tìm hung khí chuẩn bị đánh nhau,....; bị cáo Q tích cực hưởng ứng và kêu gọi thêm bị cáo T9, chuẩn bị hung khí đánh nhau,... Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới (*tình tiết giảm nhẹ gia đình có công với nước theo khoản 2 Điều 51 án sơ thẩm có nhận định nhưng không áp dụng là có sơ sót, cấp phúc thẩm bổ sung)*, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, không đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ mức hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo. Với mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên là tương xứng, phù hợp luật định cần giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T và bị cáo Q mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và giáo dục, cải tạo bị cáo, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Với các nhận định trên là cơ sở để không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N, Lê Hồng T, Lê Văn Q và lời bào chữa của luật sư, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa về việc bác kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N, Lê Hồng T, Lê Văn Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N, Lê Hồng T, Lê Văn Q, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, cụ thể tuyên:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N phạm tội " Giết người" và " Cố ý gây thương tích"; bị cáo Lê Hồng T và Lê Văn Q phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Ngọc Anh N: 07 (bảy) năm tù tội "Giết người", 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng T: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

3. Các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh N, Lê Hồng T, Lê Văn Q mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) sung quỹ nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu HSVA, VTLT (25b-TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh